TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VIMCERTS 075 MONRE
VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002671.24
MSM: VT.24.0770.NM01-02

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CỦ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10: 2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM01	NM02	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,1	29,4	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,82	6,88	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9	7	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	19	15	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,3	6,1	≥ 5	≥ 4,0
6	CO_2(*)	mg $CaCO_3$/L	TCVN 6636-1:2000	< 2,00	< 2,00	-	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	16	19	50	> 100 và Không có rác nổi
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	926	904	-	-
9	Tổng Nitơ TN	mg/L	TCVN 6638:2000	1,44	1,44	-	2
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.C&D:2017	< 0,040	< 0,040	-	-
11	Tổng Phosphor TP	mg/L	TCVN 6202:2008	0,41	0,35	-	0,5
12	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
13	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	0,05	0,02
14	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,010	< 0,010	-	-
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,020	< 0,020	0,1	0,5
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-	0,1
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	< 0,00030	< 0,00030	0,0005	0,001
18	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,17	0,21	0,5	0,5

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10: 2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM01	NM02	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
19	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0010	< 0,0010	0,03	0,005
20	Dầu mỡ khoáng(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3	< 0,3	5	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,4 \times 10^3$	$1,5 \times 10^3$	1.000	7.500

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;

- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;

- NM01: Nước mặt sông Dinh về phía thượng lưu cách cầu cảng 200m, cách bờ 10m (kho Cù Lao Tào), (X= 1149886; Y = 0428615);

- NM02: Nước mặt sông Dinh về phía hạ lưu cách cầu cảng 200m, cách bờ 10m (kho Cù Lao Tào), (X=1149682; Y = 0428520);

- QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;

- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc trung tâm

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002672.24
MSM: VT.24.0770.NM03

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CÙ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 10: 2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM03	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,0	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,91	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,4	≥ 5	≥ 4,0
6	CO_2(*)	mg $CaCO_3$/L	TCVN 6636-1:2000	< 2,00	-	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	50	> 100 và Không có rác nổi
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	971	-	-
9	Tổng Nitơ TN	mg/L	TCVN 6638:2000	1,27	-	2
10	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.C&D:2017	< 0,040	-	-
11	Tổng Phosphor TP	mg/L	TCVN 6202:2008	0,34	-	0,5
12	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,00020	0,005	0,005
13	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	0,05	0,02
14	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,010	-	-
15	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,020	0,1	0,5
16	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	-	0,1
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	< 0,00030	0,0005	0,001
18	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,14	0,5	0,5

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;
VILAS 533

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 10: 2023/ BTNMT	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM03	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
19	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0010	0,03	0,005
20	Dầu mỡ khoáng(*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3	5	-
21	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,1 \times 10^3$	1.000	7.500

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;*
- *NM03: Nước mặt sông Dinh trung lưu (kho Cù Lao Tào) (X = 1149725; Y = 0428564);*
- *QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;*
- *QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;*
- *(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc trung tâm

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002673.24
MSM: VT.24.0770.XQ01-04

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CỦ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ01	XQ02	XQ03	XQ04	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,5	30,2	30,1	30,4	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	79,0	77,7	78,2	77,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,6	0,4	0,3	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,0	58,2	59,1	60,7	70
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	115,8	122,5	129,2	129,4	300
6	Chì bụi	µg/Nm^3	NIOSH Method 7105	< 0,033	< 0,033	< 0,033	< 0,033	-
7	SO_2	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	112,45	132,37	125,73	129,49	350
8	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	132,03	136,76	132,52	119,9	200
9	CO	µg/Nm^3	HD12-KK-CO	< 4.500	< 4.500	< 4.500	< 4.500	30.000
10	NH_3	µg/Nm^3	TCVN 5293:1995	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	200
11	H_2S	µg/Nm^3	MASA Method 701	< 9,00	< 9,00	< 9,00	< 9,00	42
12	Toluen	µg/Nm^3	NIOSH Method 1501	< 14,0	< 14,0	< 14,0	< 14,0	500
13	Hydrocacbon (C_xH_y)	µg/Nm^3	NIOSH Method 1500	< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	5.000
	Cyclohexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Cyclohexen	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Metylcyclohexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n -hexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-Heptane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-octan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-pentane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-nonane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ01	XQ02	XQ03	XQ04	Trung bình 1 giờ
	n-decane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-dodecane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	-
	n-undecane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;

- XQ01: Không khí khu vực gần bồn 24, X = 1149454; Y = 0428323;

- XQ02: Không khí khu vực gần bồn 20, X = 1149346; Y = 0428208;

- XQ03: Không khí khu vực gần bồn 21, X = 1149407; Y = 0428141;

- XQ04: Không khí khu vực gần bồ 25, X = 1149481; Y = 0428248;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- (a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; không khí xung quanh;

- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc trung tâm

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002674.24
MSM: VT.24.0770.XQ05-08

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CỦ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ05	XQ06	XQ07	XQ08	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,9	30,1	30,3	30,0	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	79,2	78,2	78,2	78,0	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	0,6	0,6	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,3	57,7	59,2	59,0	70[a]
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	122,8	129,2	122,5	108,8	300
6	Chì bụi	µg/Nm^3	NIOSH Method 7105	< 0,033	< 0,033	< 0,033	< 0,033	-
7	SO_2	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	115,44	106,39	137,28	118,52	350
8	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	116,4	122,3	113,32	109,86	200
9	CO	µg/Nm^3	HD12-KK-CO	< 4.500	< 4.500	< 4.500	< 4.500	30.000
10	NH_3	µg/Nm^3	TCVN 5293:1995	< 50,0	< 50,0	< 50,0	< 50,0	200
11	H_2S	µg/Nm^3	MASA Method 701	< 9,00	< 9,00	< 9,00	< 9,00	42
12	Toluen	µg/Nm^3	NIOSH Method 1501	< 14,0	< 14,0	< 14,0	< 14,0	500
13	Hydrocacbon (C_xH_y)	µg/Nm^3	NIOSH Method 1500	< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	5.000
	Cyclohexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Cyclohexen	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Metylcyclohexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n -hexan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-Heptane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-octan	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-pentane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-nonane	*µg/Nm^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ05	XQ06	XQ07	XQ08	Trung bình 1 giờ
	n-decane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-dodecane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	-
	n-undecane	*µg/Nm³*	*NIOSH Method 1500*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	-

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *XQ05: Điểm đầu hạ lưu cầu cảng, X = 1149359; Y = 0428558;*
- *XQ06: Điểm đầu thượng lưu cầu cảng, X = 1149428; Y = 0428591;*
- *XQ07: Điểm cách cầu cảng 50m đầu hướng gió, X = 1149331; Y = 0428549;*
- *XQ08: Điểm cách cầu cảng 50m cuối hướng gió, X = 1149459; Y = 0428607;*
- *QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc trung tâm

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM ★ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002675.24
MSM: VT.24.0770.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CÙ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 29:2010/ BTNMT
				NT01	NT02	Cột B, Kho
1	pH(#)	-	TCVN 6492:2011	7,21	7,28	**5,5 ÷ 9**
2	BOD_5 (20°C)(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	17	16	-
3	COD(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	36	34	**100**
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	45	42	**100**
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	HD09-N-TDS	940	870	-
6	Chì (Pb)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-
7	Tổng phenol(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0020	< 0,0020	-
8	Tổng dầu mỡ khoáng(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,5	2,6	**15**
9	Sunfua (S^{2-})(#)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.C&D:2017	1,49	1,47	-
10	Tổng Nitơ(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,86	4,87	-
11	Tổng Photpho (tính theo P)(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,2	1,94	-
12	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,1 \times 10^3$	$1,5 \times 10^3$	-
13	CO_2(*)	mg/L	TCVN 6636-1:2000	< 2	< 2	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra của bể lắng cát (X = 1149244; Y = 0428505);
- NT02: Nước thải đầu ra công trình xử lý nước thải của kho Cù Lao Tào (X = 1149252; Y = 0428490);
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- (-): Không quy định/Không phân tích;

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

- *(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;*
- *(#): Thông số được chứng nhận Vilas.*

Trưởng phòng thí nghiệm	Giám đốc trung tâm
Nguyễn Thanh Phong	Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002676.24
MSM: VT.24.0770.SX01-04

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CÙ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 03:2019/BYT
				SX01	SX02	SX03	SX04	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	29,8	30,3	29,7	30,0	18 ÷ 32[a]
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	77,2	79,0	78,1	78,9	40 ÷ 80[a]
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,3	0,3	0,2	0,5	0,2 ÷ 1,5[a]
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,2	60,6	61,1	61,3	85[b]
5	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995	1,29	1,33	1,09	1,15	8[c]
6	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	1,17	1,22	1,28	1,29	10
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	1,35	1,51	1,25	1,45	10
8	CO	mg/m^3	HD12-KK-CO	5,27	5,79	5,27	6,49	40
9	Chì (Pb)	mg/m^3	NIOSH Method 7105	< 0,00003	< 0,00003	< 0,00003	< 0,00003	0,1[d]
10	Toluen	mg/m^3	NIOSH Method 1501	0,26	0,45	0,38	0,28	300
11	THC	mg/m^3	NIOSH Method 1500	2,9	2,5	2,3	1,6	300[d]
	Cyclohexan	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	Cyclohexen	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	Metylcyclohexan	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n –hexan	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*2,9*	*2,5*	*2,3*	*1,6*	-
	n-Heptane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-octan	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-pentane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-nonane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-decane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-dodecane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,287*	*< 0,287*	*< 0,287*	*< 0,287*	-
	n-undecane	*mg/m^3*	*NIOSH Method 1500*	*< 0,15*	*< 0,15*	*< 0,15*	*< 0,15*	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;

- SX01: Không khí khu vực cổng vào kho xăng, X = 1149461; Y = 0428409;

- SX02: Không khí khu vực trạm bơm công nghệ, X = 1149434; Y = 0428369;

- SX03: Không khí khu vực bên trong khuôn viên, X = 1149495; Y = 0428193;

- SX04: Không khí khu vực xuất xăng dầu, X = 1149378; Y = 0428583;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;

- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- (d) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động. Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc trung tâm

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002677.24
MSM: VT.24.0770.TT01-03

Tên mẫu : Trầm tích
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO CỦ LAO TÀO**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 43:2017/ BTNMT
				TT01	TT02	TT03	Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,15	< 0,15	< 0,15	**41,6**
2	pH(*)	-	TCVN 5979:2007	6,24	6,35	7,38	-
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	0,17	0,13	0,22	**4,2**
4	Tổng Nitơ(*)	mg/kg	TCVN 6498:1999	64,1	62,3	71,7	-
5	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 5,00	< 5,00	< 5,00	**112**
6	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	9,31	9,6	8,12	**271**
7	Niken (Ni)(*)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 7,00	< 7,00	< 7,00	-
8	Tổng Photpho(*)	%	TCVN 6499:1999	13,1	16,9	17,9	-
9	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA Method 7471B	< 0,050	< 0,050	< 0,050	**0,7**
10	Sắt (Fe)(*)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	66,6	68,4	67,4	-
11	Dầu khoáng(*)	mg/kg	US EPA Method 9071B	< 5,0	< 5,0	< 5,0	-
12	Phenol(*)	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C	< 0,007	< 0,007	< 0,007	-
13	Cr^{3+}(*)	mg/kg	US EPA Method 3050B+ US EPA Method 7010	< 0,15	< 0,15	< 0,15	-
14	Tổng coliform(*)	MPN/ 100g	TCVN 4882:2007	< 3	< 3	< 3	-
15	CO_2	mg/kg	-	-	-	-	-
16	Sunfua	mg/kg	-	-	-	-	-
17	DO	-	-	-	-	-	-
18	TSS	mg/kg	-	-	-	-	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;*
- *TT01: Mẫu bùn ở thượng lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào) cách cầu cảng 200m cách bờ 10m, (X = 1149886; Y = 0428615);*
- *TT02: Mẫu bùn ở hạ lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào) cách cầu cảng 200m và cách bờ 10m, (X = 1149682; Y = 0428520);*
- *TT03: Mẫu bùn ở trung lưu sông Dinh (Kho Cù Lao Tào) (X = 1149725; Y = 0428564);*
- *QCVN 43:2017/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích;*
- *(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo.*

Trưởng phòng thí nghiệm	Giám đốc trung tâm
Nguyễn Thanh Phong	Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002678.24
MSM: VT.24.0771.NM01, 04

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT	QCVN 08: 2023/BTNMT
				NM01	NM04	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,0	29,1	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,85	6,90	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	7	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17	15	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,9	6,1	≥ 5	≥ 4,0
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	28	50	> 100 và Không có rác nổi
7	Tổng Nitơ TN	mg/L	TCVN 6638:2000	1,48	1,53	-	2
8	Tổng Phosphor TP	mg/L	TCVN 6202:2008	0,49	0,45	-	0,5
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	0,05	0,02
11	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,010	< 0,010	-	-
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,020	< 0,020	0,1	0,5
13	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	< 0,00030	< 0,00030	0,0005	0,001
15	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,19	0,22	0,5	0,5
16	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0010	< 0,0010	0,03	0,005
17	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3	< 0,3	5	-
18	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,0 \times 10^3$	$1,5 \times 10^3$	1.000	7.500
19	E.coli	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	9	11	-	20

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;*
- *NM01: Nước nước mặt tại Cảng thượng lưu Sông Dinh (kho Thắng Nhất) (X = 1149453; Y = 0428612);*
- *NM04: Nước mặt tại Cảng Dầu (kho Thắng Nhất) (X = 1149319; Y = 0428487);*
- *QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;*
- *QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;*
- *(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm	Giám đốc Trung tâm
Nguyễn Thanh Phong	Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002679.24
MSM: VT.24.0771.NM02-03

Tên mẫu : Nước mặt
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 10: 2023/BTNMT	QCVN 08: 2023/BTNMT
				NM02	NM03	Vùng biển ven bờ	Giá trị giới hạn - Mức C (Bảng 2)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,2	29,3	-	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,93	6,81	6,5 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	9	-	10
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	18	19	-	20
5	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,1	6,2	≥ 5	≥ 4,0
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	30	35	50	> 100 và Không có rác nổi
7	Tổng Nitơ TN	mg/L	TCVN 6638:2000	1,38	1,27	-	2
8	Tổng Phosphor TP	mg/L	TCVN 6202:2008	0,28	0,34	-	0,5
9	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,00020	< 0,00020	0,005	0,005
10	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	0,05	0,02
11	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,010	< 0,010	-	-
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,020	< 0,020	0,1	0,5
13	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-	0,1
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	< 0,00030	< 0,00030	0,0005	0,001
15	Fe	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,17	0,23	0,5	0,5
16	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0010	< 0,0010	0,03	0,005
17	Dầu mỡ khoáng (*)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 0,3	< 0,3	5	-
18	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,4 \times 10^3$	$2,1 \times 10^3$	1.000	7.500
19	E.coli	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	11	7	-	20

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;
VILAS 533

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;*
- *NM02: Nước mặt sông Dinh về phía thượng nguồn cách cầu cảng nhập 200m (kho Thắng Nhất) (X = 1152279; Y = 0429377);*
- *NM03: Nước nước mặt sông Dinh về phía hạ lưu cách cầu cảng nhập 200m (kho Thắng Nhất) (X = 1149932; Y = 0425348);*
- *QCVN 10:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển;*
- *QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;*
- *(*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm	Giám đốc Trung tâm
Nguyễn Thanh Phong	Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002680.24
MSM: VT.24.0771.XQ01-04

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ01	XQ02	XQ03	XQ04	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,1	30,2	30,4	30,2	-
2	Độ ẩm	%		77,9	78,0	77,7	78,0	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,4	0,4	0,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,0	58,9	61,3	58,8	70[a]
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	129,4	122,5	115,8	136,1	300
6	Chì bụi	µg/Nm^3	NIOSH Method 7105	< 0,033	< 0,033	< 0,033	< 0,033	-
7	SO_2	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	127,12	124,76	123,29	123,88	350
8	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	131,98	157,55	139,2	127,54	200
9	CO	µg/Nm^3	HD12-KK-CO	<4.500	<4.500	<4.500	<4.500	30.000
10	H_2S	µg/Nm^3	MASA Method 701	<9,00	<9,00	<9,00	<9,00	42
11	Toluen	µg/Nm^3	NIOSH Method 1501	< 14,0	< 14,0	< 14,0	< 14,0	500
12	Hydrocacbon (C_xH_y)	µg/Nm^3	NIOSH Method 1500	< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	5.000
	Cyclohexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Cyclohexen	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Metylcyclohexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n -hexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-Heptane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-octan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-pentane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-nonane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-decane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-dodecane	*µg/Nm^3*		*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	-
	n-undecane	*µg/Nm^3*		*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	-

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *XQ01: Cổng ra vào kho, X = 1149155; Y = 0428584;*
- *XQ02: Gần hàng rào chung cư cách kho 250m, X = 1149163; Y = 0428740;*
- *XQ03: Gần hàng rào chung cư cách kho 300m, X = 1149179; Y = 0428690;*
- *XQ04: Khuôn viên chung cư cách kho 450m, X = 1149212; Y = 0428656;*
- *QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;*
- *(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002681.24
MSM: VT.24.0771.XQ05-08

Tên mẫu : Không khí xung quanh
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 03 mẫu
Số lượng : 04 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 05:2023/ BTNMT
				XQ05	XQ06	XQ07	XQ08	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,6	30,4	31,0	30,7	-
2	Độ ẩm	%		79,1	78,7	79,0	78,8	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,2	0,4	0,5	0,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,0	61,0	58,7	60,9	70[a]
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	109	122,6	116	122,7	300
6	Chì bụi	µg/Nm^3	NIOSH Method 7105	< 0,033	< 0,033	< 0,033	< 0,033	-
7	SO_2	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	121,82	108,27	114,84	124,89	350
8	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	127,54	131,65	127,54	143,53	200
9	CO	µg/Nm^3	HD12-KK-CO	< 4.500	< 4.500	< 4.500	< 4.500	30.000
10	Toluen	µg/Nm^3	NIOSH Method 1501	< 14,0	< 14,0	< 14,0	< 14,0	500
11	Hydrocacbon (C_xH_y)	µg/Nm^3	NIOSH Method 1500	< 100,0	< 100,0	< 100,0	< 100,0	5.000
	Cyclohexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Cyclohexen	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	Metylcyclohexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n -hexan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-Heptane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-octan	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-pentane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-nonane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-decane	*µg/Nm^3*		*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	*< 100,0*	-
	n-dodecane	*µg/Nm^3*		*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	*< 287,0*	-
	n-undecane	*µg/Nm^3*		*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	*< 150,0*	-

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *XQ05: Cổng vào cảng Thượng Lưu, X = 1149176; Y = 0428549;*
- *XQ06: Bến liền kề cảng Thượng Lưu, X = 1149289; Y = 0428476;*
- *XQ07: Thượng Lưu cảng dầu 10.000DWT, KK –TN10, X = 1149315; Y = 0428603;*
- *XQ08: Hạ lưu cảng dầu 10.000DWT, X = 1149267; Y = 0428499;*
- *QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;*
- *(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích.*

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002682.24
MSM: VT.24.0771.NT01-02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 03 mẫu
Số lượng : 02 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 29:2010/ BTNMT
				NT01	NT02	Cột B, Kho
1	pH(#)	-	TCVN 6492:2011	7,32	7,29	**5,5 ÷ 9**
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,6	4,4	-
3	BOD_5 (20°C)(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	19	21	-
4	COD(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	43	46	**100**
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	32	**100**
6	Asen (As)(#)	mg/L	SMEWW 3114C:2017	< 0,00050	< 0,00050	-
7	Thủy ngân (Hg)(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	< 0,00030	< 0,00030	-
8	Chì (Pb)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-
9	Cadimi (Cd)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,00020	< 0,00020	-
10	Crom VI (Cr^{6+})(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,0030	< 0,0030	-
11	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2017 + SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,010	< 0,010	-
12	Đồng (Cu)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,030	< 0,030	-
13	Kẽm (Zn)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,020	< 0,020	-
14	Niken (Ni)(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	< 0,0020	< 0,0020	-
15	Mangan (Mn)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,030	< 0,030	-
16	Sắt (Fe)(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	< 0,080	< 0,080	-
17	Tổng phenol(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2017	< 0,0020	< 0,0020	-
18	Tổng dầu mỡ khoáng(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,9	2,5	**15**
19	Sunfua (S^{2-})(#)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.C&D:2017	0,42	0,44	-
20	Tổng Nitơ(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,66	2,65	-
21	Tổng Photpho (tính theo P)(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,39	0,46	-
22	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	$2,1 \times 10^3$	$2,4 \times 10^3$	-
23	E. Coli	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	7	11	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;*
- *Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;*
- *NT01: Nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải của kho Thắng Nhất (X = 1148981; Y = 0428732);*
- *NT02: Nước thải đầu ra của bể lắng cát, gạn dầu cục bộ (X = 1148976; Y = 0428708);*
- *QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;*
- *(-): Không quy định/Không phân tích;*
- *(#): Thông số được chứng nhận Vilas.*

Trưởng phòng thí nghiệm	Giám đốc Trung tâm
Nguyễn Thanh Phong	Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;
VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002683.24
MSM: VT.24.0771.SX01-03

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 03 mẫu
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
				SX01	SX02	SX03	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30,1	29,9	30,2	18 ÷ 32[a]
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	79,2	78,1	78,2	40 ÷ 80[a]
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,3	0,6	0,5	0,2 ÷ 1,5[a]
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,4	59,6	60,3	85[b]
5	Bụi	mg/m^3	TCVN 5067:1995	1,36	1,44	1,39	8[c]
6	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	1,55	1,65	1,57	10
7	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	1,61	1,74	1,72	10
8	CO	mg/m^3	HD12-KK-CO	5,35	6,02	6,10	40
9	Hydro sulfide (H_2S)	mg/m^3	MASA Method 701	0,27	0,30	0,32	15
10	Chì (Pb)	mg/m^3	NIOSH Method 7105	< 0,00003	< 0,00003	< 0,00003	0,1[d]
11	Toluen	mg/m^3	NIOSH Method 1501	0,36	0,31	0,38	300
12	THC	mg/m^3	NIOSH Method 1500	1,88	1,57	1,95	300[d]
	n-pentane	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	Cyclohexan	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	Cyclohexen	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	Metylcyclohexan	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-Hexan	*mg/m^3*		*1,88*	*1,57*	*1,95*	-
	n-heptane	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-octan	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-nonane	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-decane	*mg/m^3*		*< 0,1*	*< 0,1*	*< 0,1*	-
	n-dodecane	*mg/m^3*		*< 0,287*	*< 0,287*	*< 0,287*	-
	n-undecane	*mg/m^3*		*< 0,15*	*< 0,15*	*< 0,15*	-

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;

- SX01: Khu vực trạm bơm công nghệ số 2, X = 1149037; Y = 0428600;

- SX02: Khu vực bên trong kho, X = 1149063; Y = 0428745;

- SX03: Khu vực xuất xăng dầu ô tô-xitec, X = 1149040; Y = 0428698;

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- (a) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- (b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;

- (c) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- (d) QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động. Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc;

- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM
VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X.Bình Hưng, Bình Chánh, Tp.HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;

VILAS 533

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0002684.24
MSM: VT.24.0771.TT01-03

Tên mẫu : Trầm tích
Tên khách hàng : **XÍ NGHIỆP TỔNG KHO XĂNG DẦU MIỀN ĐÔNG – KHO THẮNG NHẤT**
Địa điểm lấy mẫu : Số 54B đường 30/4, phường Thắng Nhất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu 03 mẫu
Số lượng : 03 mẫu
Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
Ngày trả kết quả : 29/03/2024

VIMCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 43: 2017/ BTNMT
				TT01	TT02	TT03	Trầm tích nước mặn, nước lợ
1	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 5,0	< 5,0	< 5,0	112
2	Dầu khoáng(*)	mg/kg	US EPA Method 9071B	< 5,0	< 5,0	< 5,0	-

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- TT01: Mẫu bùn tại Cảng Dầu (sông Dinh) (X = 1149336; Y = 0428527);
- TT02: Mẫu bùn ở sông Dinh (Kho Thắng Nhất) thượng nguồn cách cầu cảng 200m cách bờ 10m (X = 1149604; Y = 0428758);
- TT03: Mẫu bùn ở sông Dinh (Kho Thắng Nhất) hạ lưu cách cầu cảng 200m và cách bờ 10m (X = 114373; Y = 0428328);
- QCVN 43:2017/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- (*): Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts. Kết quả mang tính chất tham khảo.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Giám đốc Trung tâm

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Đinh Tấn Thu